**Tên bài học: 102. ui ưi**

**Tiết: 234+ 235**

**1. Yêu cầu cần đạt**

- HS nhận biết các vần **ui, ưi**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ui, ưi.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ui**, vần **ưi**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Hạt nắng bé con**.

- HS viết đúng các vần **ui, ưi**, các tiếng (ngọn**) núi, gửi** (thư) cỡ nhỡ (trên bảng con).

**2. Đồ dùng dạy học**

a. Giáo viên:

- Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập, mẫu vật, vật thật

- Bảng cài, bộ thẻ

b. Học sinh**:**

**-** Sách giáo khoa, sách bài tập Tiếng Việt. Bút chì, đồ dùng học tập

- Bảng con, phấn. Bảng cài, bộ. Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| 1. Hoạt động mở đầu (5 phút)  - Ổn định  2. **Hoạt động hình thành kiến thức:15’**  **Giới thiệu bài**: vần **ui**, vần **ưi**.  **Hoạt động 1: *Dạy vần ui***  - GV viết: **u,i**. /HS (cá nhân, cả lớp): **u - i - ui.**  - HS nói: ngọn núi. / Tiếng núi có vần **ui**. / Phân tích vần **ui**, tiếng **núi**. / Đánh vần, đọc trơn: u - i - ui / nờ - ui - nui - sắc - núi / ngọn núi.  **Hoạt động 2:*Dạy vần ưi*** (như vần **ui**)  - Đánh vần, đọc trơn: ư - i - ưi / gờ - ưi - gưi - hỏi - gửi / gửi thư.  *\* Củng cố*: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá**: ui, ngọn núi; ưi, gửi thư**.  **3.Vận dụng thực hành 15’**  **Hoạt động 1:*Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **ui**? Tiếng nào có vần **ưi**?)  - (Quy trình như các bài trước) HS tìm tiếng có vần **ui,** vần **ưi**.  - HS báo cáo.  - GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng c**úi** có vần **ui**. Tiếng **ngửi** có vần **ưi...**  **Hoạt động 2:*Tập viết*** (bảng con - BT 4) .  a) HS đọc các vần, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  b) Viết vần: **ui, ưi**  - 1 HS đọc vần **ui**, nói cách viết.  - GV vừa viết vần **ui** vừa hướng dẫn cách viết, cách nối nét giữa **u** và **i**. / Làm tương tự với vần **ưi**.  - HS viết: **ui, ưi** (2 lần).  c) Viết tiếng: (ngọn) **núi, gửi** (thư) (như mục b).  - GV viết mẫu tiếng **núi**, hướng dẫn cách viết, cách nối nét. Dấu sắc đặt trên **ư**.  - HS viết: (ngọn) **núi, gửi** (thư) (2 lần). | - HS hát  - HS lắng nghe  - HS quan sát  - HS đọc  - HS đọc  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS báo cáo  - HS lắng nghe theo dõi  - HS thực hiện  - 1 HS đọc  - HS lắng nghe  - HS viết bảng con  - HS lắng nghe  - HS viết bảng con |
| **Tiết 2** | |
| **Hoạt động 3: *Tập đọc*** (BT 3) (30 phút)  a) GV chỉ hình minh họa bài Hạt nắng bé con; giới thiệu: Bài đọc kể chuyện hạt nắng xuống đất chơi, đã làm nhiều việc tốt cho bông hồng, cho hạt mầm...  b) GV đọc mẫu, nhấn giọng các từ ngữ gợi tả, gợi cảm: **thả, sụt sùi, an ủi, vàng óng, thì thầm, phả, đội đất**. Giải nghĩa từ: **sụt sùi** (Hạt nắng gặp bông hồng bị gãy cành đang sụt sùi khóc.): từ gợi tả tiếng khóc nhỏ, kéo dài, như cố giấu, cố nén. **Phả** (Nghe hạt mầm thì thầm, nó phả hơi ấm xuống đất. ): làm làn hơi bốc mạnh thành luồng.  c) Luyện đọc từ ngữ: **hạt nắng, xuống đất, gãy cành, sụt sùi, an ủi, gửi tặng, vàng óng, thì thầm, phả, đội đất, cánh tay hồng, bên kia núi**.  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có 6 câu.  - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  e) Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 3 đoạn: mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn).  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc.  - 1 HS làm mẫu: a) Mẹ mặt trời - 2) thả hạt nắng xuống đất chơi.  - HS làm bài trên VBT.  -1 HS đọc kết quả.  - GV giúp HS nối, ghép các vế câu trên bảng lớp, chốt lại đáp án (a - 2,- 1, c - 3).  - Cả lớp đọc lại kết quả (không đọc các chữ cái và số TT): a) Mẹ mặt trời - 2) thả hạt nắng xuống đất chơi. b) Bông hồng - 1) được hạt nắng an ủi. c) Hạt nắng - 3) giúp hạt cây nảy mầm.  **4.Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - HS tìm tiếng ngoài bài có vần **ui** (VD: vui, bụi, lùi, bụi,...).  - GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc lại bài Tập đọc: xem trước bài 103 (uôi, ươi). | - HS lắng nghe theo dõi  - HS lắng nghe theo dõi  - HS luyện đọc  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS đọc nối tiếp  - HS thi đọc  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS làm bài vào vở bài tập  - HS đọc kết quả  - HS đọc  - HS thực hiện  - HS lắng nghe |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy**